

Số: 3341 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 08 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thú y, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 221/TTr-SNN ngày 02 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thú y, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4302/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016, Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2017, Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019, Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019, Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2020; Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K10, K13.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC THÚ Y, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN
VÀ THỦY SẢN, BẢO VỆ THỰC VẬT, CHĂN NUÔI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
I. Lĩnh vực Thú y (16 TTHC)										
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 26/9/2019 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn										
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	05 ngày làm việc (Đối với trường hợp cấp mới)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	Phí, lệ phí	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/06/2015. - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-
	2.001064.000.00.00.H08	03 ngày làm việc (Đối với trường hợp gia hạn)								

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	Phí, lệ phí	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/06/2015. - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-
	1.005319.000.00.00.H08									
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Phí Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000 đồng/lần	Phí, lệ phí	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/06/2015. - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 2/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP	-
	1.001686.000.00.00.H08									

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	- Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần.	Phí, lệ phí	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 2/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-
	1.004022.000.00.00.H08									
5	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Cấp Tỉnh)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy	Có	-	x	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh	Phí, lệ phí	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC	-
	1.003781.000.00.00.H08									

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC TP Quy Nhơn	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
							toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	07 ngày làm việc (Đối với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai	Có	-	x	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản	Phí, lệ phí	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
							giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ:	Có	-	x	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản	Phí, lệ phí	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
	1.003577.000.00.00.H08						xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh	13 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ:	Có	-	x	- Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy	Phí	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch, - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ					BTC ngày 23/11/2020. - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016		35/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.								
14	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu	Trạm Kiểm dịch động vật đèo Cù Mông	Có	-	-	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	Phí, lệ phí	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/06/2015. - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch								

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
15	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn - 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	* Cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY do giấy chứng nhận cũ hết hiệu lực: - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật;	Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
	2.002132.000.00.00.H08									

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4					
							<p> cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần * Trường hợp </p>				

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
							Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí			
16	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu	Trạm Kiểm dịch động vật đèo Cù Mông	Có	-	-	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	Phí, lệ phí	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/06/2015. - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC TP Quy Nhơn	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		hiện kiểm soát tại hiện trường. b) Trường hợp đại diện Cơ quan kiểm soát chưa ký tên và chưa đóng dấu của Cơ quan kiểm soát trên Giấy chứng nhận xuất xứ tại hiện trường, Cơ quan kiểm soát tổ chức cấp Phiếu kiểm soát thu hoạch ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường.							ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
18	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ 2.001838.000.00.00.H08	- Xử lý hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thu hoạch - Xử lý hồ sơ và cấp giấy chứng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng,	Có	-	x	Không	Phí, lệ phí	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 286/2016/TT-BTC	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC TP Quy Nhơn	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		nhận: Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu kiểm soát thu hoạch							ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

III. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (05 TTHC)

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/2/2019 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Phí: 800.000 đồng/lần	Phí, lệ phí	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	-
	1.004363.000.00.00.H08									

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Phí: 800.000 đồng/lần	Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	
	1.0004346.000.00.00.H08	- 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ								

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.						số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn										
21	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật 1.004509.000.00.00.H08	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Không	Phí, lệ phí	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ.	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
22	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	05 ngày làm việc <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Phí: 600.000 đồng/lần	Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 8/5/2020 của Chủ tịch 	-
	1.004493.000.00.00.H08									

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
23	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Mục III, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật theo Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Phí, lệ phí	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

IV. Lĩnh vực Chăn nuôi (04 TTHC)

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 và Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn	Trung tâm Phục vụ hành chính	Có	-	x	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn	Phí, lệ phí	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số	-
----	---	---	------------------------------	----	---	---	--	-------------	---	---

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
	theo đặt hàng	<p>đậm đặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm 	<p>công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn</p>				<p>nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần 	<p>13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 		

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
		Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.								
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng 1.008127.000.00.00.H08	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	Phí, lệ phí	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	-	x	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần 	Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	-
	1.008128.000.00.00.H08									
27	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng,	Có	-	x	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần 	Phí, lệ phí, trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của 	-
	1.008129.000.00.00.H08									

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết <i>(ngày làm việc)</i>	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC TP Quy Nhơn	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí <i>(nếu có)</i>	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính				Mức độ 3	Mức độ 4				
Tổng cộng: 27 TTHC										